TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn" theo định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và định hoãn phiên toà số: 117/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Như Ý, sinh năm 2005; Nơi thường trú: Số H, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: số D, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Kha B, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số H, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn Hà Như Ý trình bày:* Chị Ý và anh B tự do quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó chị Ý và anh B đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày

29/7/2025. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu tháng 5/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã xa nhau và ly thân từ tháng 05/2026 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hà Như Ý yêu cầu được ly hôn anh Phạm Kha B. Quá trình sống chung thì chị Hà Như Ý và anh Phạm Kha B không có con chung. Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị Ý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Phạm Kha B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và các phiên toà xét xử vụ án và anh Phạm Kha B cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Như Ý.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Như Ý. Cho chị Hà Như Ý được ly hôn với anh Phạm Kha B; Về con chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Chị Ý không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H Như Ý yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Kha B, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ pháp luật được xác định là hôn". Bị đơn anh Phạm Kha B có địa chỉ thường trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Kha B đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh Phạm Kha B vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Hà Như Ý có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ý và anh B.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Như Ý và anh Phạm Kha B kết hôn với nhau vào năm 2025 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 29/7/2025 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ý và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị Ý trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 5/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã xa nhau và ly thân từ tháng 05/2026 đến nay. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H Như Ý yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Kha B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ý và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ý. Như vậy, việc vắng mặt của anh Phạm Kha B được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Do đó, mọi hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến anh B phải chịu.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Ý và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật nhân và ia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Như Ý đối với anh Phạm Kha B.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung thì chị Hà Như Ý và anh Phạm Kha B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ý không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị Ý và anh B trong vụ kiện này.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ý trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Như Ý phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Hà Như Ý và anh Phạm Kha B có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật nhân và đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Như Ý. Cho chị Hà Như Ý được ly hôn với anh Phạm Kha B.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hà Như Ý phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Ý đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008317 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Như Ý và anh Phạm Kha B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 37 ngày 29/7/2025) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhựt Minh